TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09-02-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Dung, ông Vì Văn Đạo.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/ QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2026/ QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2026 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 85/2026/TB-TA ngày 02/02/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sồng Thị B, sinh năm 1983; địa chỉ: Bản BP, xã KB, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phàng A P, sinh năm 1984; địa chỉ: Bản KB, xã KB, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã KB, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đức Dương, chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Sồng Thị B trình bày:

Chị và anh Phàng A P kết hôn với nhau ngày 02/4/2002 tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện PY, tỉnh Sơn La *(nay là xã KB, tỉnh Sơn La)*. Hai vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã được họ hàng và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị

yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Anh chị có 04 con chung là cháu Phàng Thị V sinh ngày 07/01/2004, Phàng Thị T sinh ngày 16/11/2004, Phàng Thị L sinh ngày 12/02/2006, Phàng A T sinh ngày 28/8/2007. Hiện tại các con đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, 03 con gái đã lập gia đình và đã đi làm dâu. Do vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị yêu cầu chia cho anh P một ngôi nhà, còn chị được chia một con trâu. Ngày 08/12/2025 chị B thay đổi yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã KB, tỉnh Sơn La, trình bày: Chị Sồng Thị B sinh ngày 10/5/1983, đăng ký thường trú tại bản BP, xã KB. Anh Phàng A P, sinh ngày 10/6/1984, đăng ký thường trú tại bản KB, xã KB. Qua rà soát, kiểm tra sổ đăng ký kết hôn, dữ liệu dân cư và dữ liệu hộ tịch của xã KB thể hiện: Việc ghi năm sinh 1982 của anh P trong sổ đăng ký kết hôn và giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là không đúng. Nguyên nhân là trong quá trình đăng ký kết hôn, chị B và anh P đã cung cấp sai năm sinh của anh P. Cán bộ thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại thời điểm đó đã không kiểm tra dẫn đến đăng ký kết hôn cho anh chị không đúng quy định. Ủy ban nhân dân xã KB đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của anh chị theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh của Tòa án ngày 30/10/2025, anh Giàng A Chống - Trưởng bản KB, xã KB, xác nhận: Chị Sồng Thị B và anh Phàng A P kết hôn ngày 02/4/2002. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại bản KB, xã KB, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không thành, lý do là anh P ở nhà làm nương rẫy nhưng cố tình không có mặt để chính quyền địa phương hòa giải. Chị B đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở bản BP sinh sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phàng A P vẫn sinh sống tại bản KB, xã KB. Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh P cố tình vắng mặt, không cung cấp lời khai và ý kiến cho Tòa án, không có mặt theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa, chị Sồng Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện UBND xã KB có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã đưa ra. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Sơn La như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Áp dụng a khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 8, 11, 12, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 và 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Sồng Thị B và anh Phàng A P. Về con chung: Các con chung của anh chị đều đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Miễn án phí cho nguyên đơn do là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Sồng Thị B khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Phàng A P, do đó quan hệ pháp luật là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh P có nơi cư trú tại xã KB, tỉnh Sơn La nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh P cố tình trốn tránh, không chấp hành triệu tập của Tòa án, tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Tại phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, trong đó nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sồng Thị B sinh ngày 10/5/1983 và anh Phàng A P sinh ngày 10/6/1984. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 02/4/2002 tại Ủy ban nhân dân xã KB khi chị B 18 tuổi 10 tháng 23 ngày, anh P 17 tuổi 9 tháng 23 ngày. Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định điều kiện về tuổi kết hôn: *Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên*. Như vậy, việc kết hôn của anh P và chị B là trái pháp luật do vi phạm điều kiện về tuổi kết hôn của anh P. Chị B yêu cầu ly hôn nhưng phía anh P không có ý kiến, không có yêu cầu. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/ 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Phàng A P và chị Sồng Thị B.

[3] Về con chung: Chị Sồng Thị B và anh Phàng A P có 04 con chung đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Hai anh chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Sồng Thị B là người dân tộc Mông sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Sồng Thị B và anh Phàng A P có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các khoản 6 Điều 3; các Điều 8; 11 và 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Phàng A P và chị Sồng Thị B theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/4/2002 tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện PY, tỉnh Sơn La *(nay là xã KB, tỉnh Sơn La)*.

2. Về con chung: Có 04 con chung là Phàng Thị V sinh ngày 07/01/2004, Phàng Thị T sinh ngày 16/11/2004, Phàng Thị L sinh ngày 12/02/2006, Phàng A T sinh ngày 28/8/2007. Các cháu đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Sồng Thị B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Sồng Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 - Sơn La;
- UBND xã KB, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam